

THÔNG BÁO

Về việc đăng ký xét tuyển vào đại học hệ chính quy năm 2021 bằng kết quả học tập THPT (học bạ)

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Căn cứ Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Vinh, Nhà trường thông báo việc đăng ký xét tuyển vào học đại học hệ chính quy năm 2021 bằng hình thức xét tuyển kết quả học tập THPT như sau:

1. Chỉ tiêu: (Chi tiết ở Phụ lục 1).

Xét tuyển kết quả học tập THPT không quá 40% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh. Không xét tuyển các ngành: Sư phạm Toán học, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm tiếng Anh, Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Địa lý, Giáo dục Chính trị; riêng ngành Giáo dục thể chất xét kết quả học tập THPT và kết quả thi năng khiếu.

2. Điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:

- Đối với các ngành ngoài sư phạm: Tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển của năm lớp 12 đạt tối thiểu 18 điểm (chưa cộng điểm ưu tiên).

- Ngành Ngôn ngữ Anh, ngoài tiêu chí về tổng điểm đạt tối thiểu 18 điểm, thí sinh cần phải đạt điểm tổng kết môn tiếng Anh của năm lớp 12 đạt 6.5 điểm trở lên.

- Đối với các ngành đào tạo giáo viên: Điểm trung bình cộng theo tổ hợp xét tuyển của lớp 12 tại phụ lục đính kèm tối thiểu là 8,0 trở lên; học sinh đã tốt nghiệp THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

- Đối với ngành Điều dưỡng: Điểm trung bình cộng theo tổ hợp xét tuyển của lớp 12 tại phụ lục đính kèm tối thiểu là 6,5 trở lên.

- Ngành Giáo dục Thể chất: Kết quả thi năng khiếu và 2 môn tổ hợp xét tuyển tại phụ lục đính kèm đạt điểm trung bình cộng xét tuyển kết quả học tập THPT (2 môn tổ hợp xét tuyển của lớp 12) tối thiểu là 6,5 trở lên. Nếu đối tượng dự tuyển là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia, quốc tế hoặc có điểm thi năng khiếu do trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) thì điểm trung bình cộng xét tuyển kết quả học tập THPT tối thiểu là 5,0 trở lên.

- Cách tính điểm và điểm ưu tiên xét tuyển

$ĐXT = [ĐCN \text{ Môn } 1 + ĐCN \text{ Môn } 2 + ĐCN \text{ Môn } 3] + ĐƯT$ (nếu có)

$ĐƯT = [ĐƯT \text{ theo đối tượng} + ĐƯT \text{ theo khu vực}]$

Trong đó, ĐXT: Điểm xét tuyển, ĐCN: Điểm cả năm, ĐƯT: Điểm ưu tiên

3. Thời gian nhận hồ sơ:

Nhà trường tổ chức tuyển sinh theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT và được bố trí nhiều đợt:

- Đợt 1: Từ ngày ra thông báo đến 17h00 ngày 20/7/2021.
- Đợt 2: Từ ngày 21/7/2021 đến ngày 30/8/2021
- Đợt 3: Từ ngày 01/9/2021 đến ngày 20/9/2021

4. Cách thức đăng ký và nộp hồ sơ xét tuyển:

- Cách thức 1: Đăng ký trực tuyến tại cổng tuyển sinh của Trường Đại học Vinh tại địa chỉ <http://tuyensinhchinhquy.vinhuni.edu.vn>

- Cách thức 2: Nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp tại Phòng Đào tạo, Trường Đại học Vinh, số 182, đường Lê Duẩn, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An; Điện thoại: 0238.898 8989.

- Cách thức 3: Gửi hồ sơ qua đường bưu điện bằng chuyển phát nhanh về địa chỉ: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Vinh, số 182, đường Lê Duẩn, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An; Điện thoại: 0238.898 8989.

5. Hồ sơ xét tuyển:

Cách thức 1, thí sinh làm theo hướng dẫn tại địa chỉ website: <http://tuyensinhchinhquy.vinhuni.edu.vn>

Cách thức 2 và 3, hồ sơ gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (có mẫu kèm theo).
- Bằng tốt nghiệp THPT (bản sao có công chứng).
- Học bạ (bản sao có công chứng).
- 02 ảnh cỡ 4 x 6cm (mặt sau có ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh).
- 02 phong bì ghi rõ địa chỉ người nhận, điện thoại liên hệ.
- Lệ phí xét tuyển: 30.000đ/hồ sơ (*thu lệ phí xét tuyển khi làm thủ tục nhập học*).

Thông tin chi tiết thí sinh tra cứu tại Đề án tuyển sinh năm 2021 trên website: <http://vinhuni.edu.vn/> hoặc liên hệ: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Vinh, điện thoại: 0238.898 8989.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các trường THPT;
- Các đơn vị trong Trường;
- BBT website, iOffice;
- Lưu: HCTH, ĐT.

 **HIỆU TRƯỞNG**
GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

PHỤ LỤC 1:
CÁC NGÀNH TUYỂN SINH SỬ DỤNG KẾT QUẢ HỌC TẬP THPT
(Kèm theo thông báo số: 40 /TB-ĐHV, ngày 14 tháng 4 năm 2021)

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Các tổ hợp môn xét tuyển			
1.	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	7140208	12	C00	D01	A00	C19
2.	Giáo dục Thể chất	7140206	25	T00	T01	T02	T05
3.	Quản lý giáo dục	7140114	30	C00	D01	A00	A01
4.	Sư phạm Hóa học	7140212	60	A00	A01	B00	D07
5.	Sư phạm Sinh học	7140213	10	A02	B00	B02	B08
6.	Sư phạm Tin học	7140210	12	A00	A01	B00	D07
7.	Sư phạm Vật lý	7140211	12	A00	A01	B00	D07
8.	Kế toán	7340301	200	A00	A01	D01	D07
9.	Luật	7380101	55	C00	D01	A00	A01
10.	Luật kinh tế	7380107	41	C00	D01	A00	A01
11.	Quản trị kinh doanh	7340101	100	A00	A01	D01	D07
12.	Quản trị kinh doanh chất lượng cao	7340101C	10	A00	A01	D01	D07
13.	Tài chính - Ngân hàng	7340201	54	A00	A01	D01	D07
14.	Thương mại điện tử	7340122	25	A00	A01	D01	D07
15.	Công nghệ sinh học	7420201	20	B00	B02	B04	B08
16.	Khoa học dữ liệu và thống kê	7460202	20	A00	A01	B00	D01
17.	Chăn nuôi	7620105	18	A00	B00	D01	B08
18.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	50	A00	B00	D01	A01
19.	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	25	A00	B00	D01	A01
20.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	50	A00	B00	D01	A01
21.	Công nghệ thông tin	7480201	65	A00	A01	D01	D07
22.	Công nghệ thông tin chất lượng cao	7480201C	10	A00	A01	D01	D07
23.	Công nghệ thực phẩm	7540101	25	A00	B00	A01	D07
24.	Khoa học máy tính	7480101	50	A00	A01	D01	D07
25.	Kinh tế xây dựng	7580301	20	A00	B00	D01	A01
26.	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	30	A00	B00	D01	A01
27.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	60	A00	B00	D01	A01
28.	Kỹ thuật phần mềm	7480103	50	A00	A01	D01	D07
29.	Kỹ thuật xây dựng	7580201	100	A00	B00	D01	A01
30.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	20	A00	B00	D01	A01
31.	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	7580202	15	A00	B00	D01	A01
32.	Nông học	7620109	25	A00	B00	D01	B08
33.	Nuôi trồng thủy sản	7620301	30	A00	B00	D01	B08
34.	Thú y	7640101	20	A00	B00	B08	D01
35.	Điều dưỡng	7720301	50	B00	B08	D07	D13
36.	Báo chí	7320101	30	C00	D01	A00	A01
37.	Chính trị học	7310201	20	C00	D01	C19	A01
38.	Công tác xã hội	7760101	20	C00	D01	A00	A01
39.	Du lịch	7810101	100	C00	D01	A00	A01
40.	Kinh tế	7310101	50	A00	A01	D01	B00
41.	Ngôn ngữ Anh	7220201	100	D01	D14	D15	D66
42.	Quản lý đất đai	7850103	10	A00	B00	D01	B08
43.	Quản lý nhà nước	7310205	10	C00	D01	A00	A01
44.	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	20	A00	B00	D01	B08
45.	Quản lý văn hóa	7229042	10	C00	D01	A00	A01
46.	Việt Nam học	7310630	40	C00	D01	A00	A01

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
SỬ DỤNG KẾT QUẢ HỌC TẬP THPT**

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên thí sinh: Giới tính:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Số CMND (Thẻ căn cước):
4. Điện thoại: Email:
5. Hộ khẩu thường trú:
6. Địa chỉ báo tin:

7. Nơi học THPT hoặc tương đương:

Lớp 10:

Lớp 11:

Lớp 12:

Năm tốt nghiệp THPT hoặc tương đương:

--	--

--	--	--

--	--

--	--	--

--	--

--	--	--

Mã tỉnh

Mã trường

8. Thuộc khu vực nào thì khoanh tròn khu vực đó: 1; 2; 3; 2NT.

9. Thuộc đối tượng ưu tiên nào thì khoanh tròn đối tượng đó: 01; 02; 03; 04; 05; 06; 07.

II. NGUYỆN VỌNG XÉT TUYỂN

Tên ngành xét tuyển:

Mã ngành:

Mã trường: TDV, Tổ hợp xét tuyển:

Kết quả học tập và xếp loại lớp 12:

Học lực:; Hạnh kiểm:

TT	Điểm tổng kết	Điểm các môn theo tổ hợp		
		Môn 1:.....	Môn 2:.....	Môn 3:
1	Lớp 12			

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Ghi chú: Các giấy tờ kèm theo

- Bằng tốt nghiệp THPT (bản sao có công chứng).

- Học bạ (bản sao có công chứng).

- 2 ảnh cỡ 4x6cm (ghi họ tên, ngày tháng năm sinh).

Ngày tháng năm 2021

(Thí sinh ký, ghi rõ họ tên)

Các tổ hợp xét tuyển:

- **Tổ hợp nhóm A:** A00: Toán, Vật lý, Hoá học; A01: Toán, Vật lý, tiếng Anh; A02: Toán, Vật lý, Sinh học.

- **Tổ hợp nhóm B:** B00: Toán, Hoá học, Sinh học; B02: Toán, Sinh học, Địa lý; B04: Toán, Sinh học, Giáo dục công dân; B08: Toán, Sinh học, tiếng Anh.

- **Tổ hợp nhóm C:** C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý; C04: Ngữ văn, Toán, Địa lý; C19: Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân; C20: Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân.

- **Tổ hợp nhóm D:** D01: Toán, Ngữ văn, tiếng Anh; D07: Toán, Hoá học, tiếng Anh; D13: Ngữ văn, Sinh học, tiếng Anh; D14: Ngữ văn, Lịch sử, tiếng Anh; D66: Ngữ văn, Giáo dục công dân, tiếng Anh.

- **Tổ hợp nhóm T:** T00: Toán, Sinh học, Năng khiếu GDTC; T01: Toán, Ngữ văn, Năng khiếu GDTC; T02: Ngữ văn, Sinh học, Năng khiếu GDTC; T05: Ngữ văn, Giáo dục công dân, Năng khiếu GDTC.